

Đà tăng của thị trường đã tiếp diễn trở lại

Các chỉ số và nhiều cổ phiếu đã tăng điểm trở lại trong ngày hôm nay sau các phiên điều chỉnh tích lũy vừa qua trong bối cảnh thị trường chứng khoán quốc tế cũng hồi phục. Thị trường giao dịch toàn bộ thời gian trong trạng thái tăng điểm và đà tăng mạnh dần lên ở cuối phiên. Mức độ sôi động đang dần trở lại mặc dù nhiều thời điểm trong phiên thanh khoản duy trì khá thấp khiến cho thị trường có những khoảng lặng nhưng khi dòng tiền được đẩy nhanh vào phiên chiều tâm lý thị trường dần trở nên sôi động hơn. VNIndex đóng cửa ở 961.28 điểm tăng 6.7 điểm và VN30 tăng điểm ở 927.7 điểm tăng 5.36 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận đạt 3.500 tỷ đồng tăng nhẹ trở lại so với hai phiên điều chỉnh gần đây nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình của tuần trước đó.

Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng tăng điểm trở lại dẫn đầu là BID +3.3%; TCB +2.1%; VCB +2.1%; SHB +2.7%; ACB; MBB; CTG; HDB; STB tăng nhẹ trong khi chỉ VPB vs EIB giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng đồng thuận tăng điểm với mức tăng nhẹ như SSI; VCI; HCM; VND; FTS; SHS. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng nổi bật hơn mặt bằng chung dẫn đầu là BSR +4%; OIL +3.3%; PVD +4.2%; PVS +2.5%; PVB +1.7%; GAS; PLX tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có sự đồng thuận tăng trở lại đặc biệt là nhóm ngành ngân hàng đóng góp phần lớn cho điểm số tăng ngày hôm nay như VCB; BID; TCB; GAS; MSN; BVH; CTG....Trong khi đó ở chiều giảm mức giảm nhẹ của VNM; VPB; EIB; SCS..chỉ tạo ra lực cản nhỏ cho đà tăng. Số lượng cổ phiếu tăng giá chiếm áp đảo trong phiên giao dịch hôm nay với nhiều cổ phiếu có mức tăng nổi bật như BSR; OIL; VCG; VGC; PVS; PVD; KBC; VSC; HBC cho thấy đà tăng tích cực khi trải rộng trên nhiều nhóm ngành và nhiều nhóm vốn hóa.

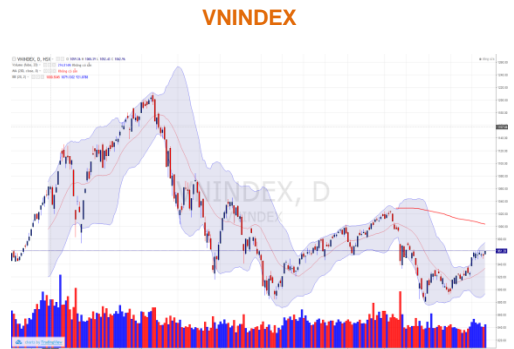
Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch rất sôi động trong phiên hôm nay với nhiều giao dịch thỏa thuận nội khối và khối này vẫn mua ròng 90 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu được mua ròng nổi bật là E1VFN30 với 6.2 triệu CCQ; KBC; CII; HBC; VCB; HNG trong khi ở chiều ngược lại áp lực bán ròng tập trung vào HPG; VHC; CTG; GAS; PVT; HCM...

Diễn biến tích cực của phiên giao dịch hôm nay đúng như chúng tôi kỳ vọng trong bản tin hôm qua khi các dấu hiệu kết thúc đợt điều chỉnh được phát đi vào cuối phiên giao dịch hôm qua. Nhìn chung, dòng tiền đang dần tự tin quay lại thị trường để tìm kiếm cơ hội và mức độ luân chuyển là khá tốt nhưng mức độ sôi động của phiên giao dịch hôm nay hơi thấp so với những phiên giao dịch của tuần trước khi tâm lý vẫn còn nhiều e ngại. Thanh khoản của thị trường hiện vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể cho thấy tâm lý thận trọng của dòng tiền vẫn còn hiện hữu ở giai đoạn hiện tại nhưng điều này cũng là tích cực khi tâm lý thị trường chưa bị đẩy lên hưng phấn để tạo đỉnh ngắn hạn của đợt hồi phục. Xét trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô và diễn biến của thị trường chứng khoán quốc tế chúng tôi vẫn bảo lưu quan điểm về vùng kỳ vọng 980 điểm của VNIndex và đây là vùng hợp lý để cân nhắc việc giảm tỷ trọng cổ phiếu.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	961.3	107.7
% Thay đổi	0.70	1.02
Khối lượng	222.1	33.4
Giá trị (tỷ đồng)	5,143.8	420.3
Số mã tăng	180	86
Số mã giảm	91	54
Không thay đổi	102	233

Hàng hóa & Tiền tệ	Đóng cửa	Thay đổi %
Gold(USD/Oz)	1,245	0.27
WTI Oil (\$/B) 1Mth	53	1.76
Brent Oil (\$/B) 1Mth	61	1.53
USDVND	23,295	0.03
EURVND	26,409	-0.13

Nguồn: Bloomberg



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.90	1.18%	15.87	3.93
Thực phẩm và đồ uống	19.29	0.03%	27.09	7.51
Năng lượng	3.02	0.72%	24.45	3.20
Tài chính	26.75	1.69%	17.15	2.45
Y tế	0.95	0.50%	18.33	2.90
Công nghiệp	7.73	0.64%	17.75	3.54
Công nghệ thông tin	0.99	0.51%	9.05	2.20
Vật liệu và hóa chất	4.27	0.64%	11.02	1.54
Bất động sản	26.13	0.19%	51.98	4.03

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,170.6	0.34%	11.70	1.50	3,621.8
India	10,737.6	1.79%	22.04	2.90	1,066.1
Indonesia	6,115.6	0.64%	19.47	2.25	473.2
Laos	822.8	0.44%	4.74	0.29	1.1
Malaysia	1,663.3	0.64%	19.01	1.73	249.5
Philippines	7,488.2	0.50%	19.00	2.00	176.9
Taiwan	9,816.5	1.13%	12.63	1.49	939.6
Thailand	1,634.9	0.08%	15.00	1.92	507.5

HOSE

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	Khối	Đóng góp
VCB	58,000	1,200	2.1	1.47MLN	1.338
BID	34,650	1,100	3.3	2.23MLN	1.166
TCB	28,900	600	2.1	3.11MLN	0.650
GAS	97,000	900	0.9	466,030	0.534
MSN	87,000	1,100	1.3	377,650	0.397

HNX

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	Khối	Đóng góp
ACB	30,900	300	1.0	1.16MLN	0.376
SHB	7,700	200	2.7	2.96MLN	0.209
PVS	20,600	500	2.5	3.46MLN	0.122
VGC	17,700	500	2.9	1.25MLN	0.103
HUT	4,500	300	7.1	3.64MLN	0.062

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	Khối	Đóng góp
VNM	134,000	-800	-0.6	782,440	-0.432
VPB	22,400	-100	-0.4	4.81MLN	-0.076
CAV	53,600	-3,400	-6.0	13,810	-0.061
EIB	13,700	-150	-1.1	111,580	-0.057
HPX	26,050	-750	-2.8	264,440	-0.040

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	Khối	Đóng góp
DL1	34,000	-900	-2.6	6,300	-0.047
OCH	4,900	-300	-5.8	39,000	-0.028
PVX	1,100	-100	-8.3	271,100	-0.020
VC3	22,500	-600	-2.6	353,300	-0.015
L14	37,000	-1,300	-3.4	130,700	-0.014

Nguồn: Bloomberg

TIN DOANH NGHIỆP

DIG - KHA dự kiến chi 200 tỷ để đầu tư mua 5% vốn - Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội (Khahomex - UPCoM: KHA) vừa đăng ký mua 12,8 triệu cổ phiếu Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (HoSE: DIG), tương đương với 5,06% vốn điều lệ DIG. Trước giao dịch, KHA chưa sở hữu cổ phần DIG. Mục đích giao dịch là đầu tư thông qua phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Thời gian dự kiến từ 17/12 đến 17/1/2019.

DPM - Điều chỉnh kế hoạch lãi 2018 lên 620 tỷ đồng, tăng 67% - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (HoSE: DPM) vừa công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018. Mặc dù giảm mạnh sản lượng NPK và Đạm Phú Mỹ, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của công ty lại điều chỉnh tăng mạnh. Về hợp nhất, doanh thu điều chỉnh tăng từ 8.577 tỷ lên 9.050 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng từ 442 tỷ lên 730 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế điều chỉnh tăng 67% lên 620 tỷ đồng.

TCM - Báo lãi tháng 11 đạt gần 8 tỷ, lũy kế vượt 13% kế hoạch năm - CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) cho biết, tháng 11, doanh thu thuần đạt khoảng 13,86 triệu USD (325,7 tỷ đồng), tỷ suất lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt khoảng 17%; lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 339.309 USD (gần 8 tỷ đồng). Lũy kế, doanh thu đạt khoảng 144,7 triệu USD (3.400,45 tỷ đồng), vượt 13% kế hoạch 11 tháng và vượt 7% kế hoạch năm 2018. Lợi nhuận sau thuế 9,1 triệu USD (213,85 tỷ đồng) vượt 19% kế hoạch 11 tháng và vượt 13% kế hoạch năm.

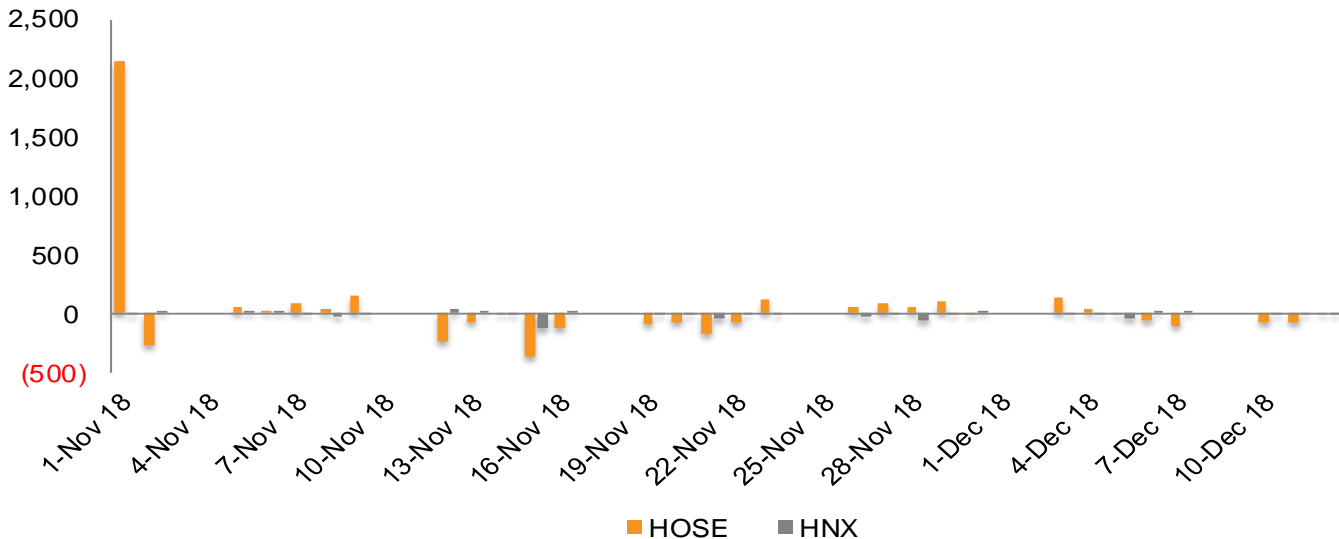
FPT - Báo lãi sau thuế 11 tháng đạt 3.013 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm - Kết thúc 11 tháng đầu năm 2018, doanh thu và lợi nhuận trước thuế (LNTT) của FPT lần lượt đạt 20.487 tỷ đồng và 3.571 tỷ đồng, tương đương 94% và 102% kế hoạch cả năm, tăng 21% và 35% so với cùng kỳ trong điều kiện so sánh tương đương. Trong điều kiện so sánh với số liệu thực tế cùng kỳ năm 2017, doanh thu giảm 48% và LNTT tăng 19%. Lợi nhuận sau thuế FPT đạt 3.013 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.421 tỷ đồng, tăng 24% và lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 3.952 đồng, tăng 23%. Doanh thu khối công nghệ và viễn thông đóng góp 94% tổng doanh thu của toàn Tập đoàn.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)			GTGD (Tỷ đồng)		
	HOSE	HNX		HOSE	HNX
MUA	22.2	0.7	MUA	783.1	10.7
% of market	10.4%	2.1%	% of market	16.4%	2.5%
BÁN	20.0	1.5	BÁN	789.6	13.6
% of market	9.4%	4.5%	% of market	16.5%	3.2%
MUA (BÁN) RÒNG	2.22	(0.8)	MUA (BÁN) RÒNG	(6.5)	(2.9)

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)			GTGD (Tỷ đồng)		
	HOSE	HNX		HOSE	HNX
MUA	4,444.9	408.6	MUA	253,385.7	7,460.2
% of market	9.4%	3.3%	% of market	19.6%	4.5%
BÁN	4,101.2	472.4	BÁN	212,704.1	8,545.1
% of market	8.7%	3.8%	% of market	16.5%	5.1%
MUA (BÁN) RÒNG	343.7	(63.8)	MUA (BÁN) RÒNG	40,682	(1,084.9)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	134,000	-800	-0.59	172.5	-0.432
VRE	32,800	350	1.08	162.3	0.253
MBB	22,500	250	1.12	137.8	0.167
E1VFN30	15,350	200	1.32	97.6	0.000
FPT	44,450	400	0.91	32.0	0.076

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	20,600	800	2.49	3.6	0.000
BVS	13,000	0	0.00	2.7	0.000
VGC	17,700	500	2.91	1.5	0.000
TNG	19,000	0	0.00	1.2	0.000
SHB	7,700	200	2.67	0.6	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VNM	134,000	-800	-0.59	164.0	-0.432	
VRE	32,800	350	1.08	154.8	0.253	
MBB	22,500	250	1.12	137.8	0.167	
HPG	33,600	150	0.45	42.8	0.099	
FPT	44,450	400	0.91	32.5	0.076	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VC3	22,500	-600	-2.60	3.8	0.000	
KDM	4,400	400	10.00	3.1	0.000	
BVS	13,000	0	0.00	2.8	0.000	
PVB	18,400	300	1.66	1.1	0.000	
SHS	14,500	200	1.40	0.7	0.000	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
E1VFN30	15,350	200	1.32	94.6	0.000	
KBC	14,650	450	3.17	23.7	0.066	
CII	26,600	200	0.76	20.8	0.017	
HBC	20,550	600	3.01	8.8	0.036	
VNM	134,000	-800	-0.59	8.5	-0.432	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	20,600	500	2.49	2.9	0.000	
VGC	17,700	500	2.91	1.5	0.000	
TNG	19,000	0	0.00	1.2	0.000	
SHB	7,700	200	2.67	0.6	0.000	
S55	25,800	400	1.57	0.2	0.000	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
HPG	33,600	150	0.45	-24.3	0.099	
VHC	101,500	1,800	1.81	-22.6	0.052	
VIC	102,200	0	0.00	-11.1	0.000	
CTG	23,500	200	0.86	-10.4	0.231	
GAS	97,000	900	0.94	-9.8	0.534	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VC3	22,500	-600	-2.60	-3.78	0.000	
KDM	4,400	400	10.00	-3.10	0.000	
PVB	18,400	300	1.66	-1.08	0.000	
SHS	14,500	200	1.40	-0.73	0.000	
MST	6,200	0	0.00	-0.34	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KL GDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	102,200	6.6	0.8	-0.6	326,184	3,192	57.6	31.7	776,082	74.8	5.9	10.3	1.7
2 VHM	80,300	5.7	-3.5	-14.9	268,966	3,350	30.3	33.5	452,716	42.7	2.9	N/A	N/A
3 VNM	134,000	14.5	1.2	-11.2	233,350	1,741	46.2	40.7	1,012,655	26.8	9.2	35.2	29.5
4 VCB	58,000	6.2	-7.3	0.0	208,671	3,598	22.9	9.2	1,175,141	17.3	3.4	20.9	1.3
5 GAS	97,000	0.4	-11.0	5.2	185,653	1,914	4.2	45.6	612,495	15.0	4.4	30.6	20.8
6 SAB	253,000	8.6	13.6	5.9	162,244	641	10.4	90.2	40,185	36.7	9.7	28.5	20.3
7 BID	34,650	7.6	-0.3	17.1	118,458	3,419	4.4	27.1	1,875,350	14.4	2.3	17.4	0.7
8 MSN	87,000	4.1	-6.0	5.6	101,194	1,163	29.9	8.7	566,132	16.1	5.2	30.9	8.7
9 TCB	28,900	9.9	15.6	-17.4	101,052	3,497	81.8	0.0	1,481,975	10.2	2.0	25.4	3.2
10 CTG	23,500	4.7	-11.3	-14.2	87,500	3,723	15.8	0.0	3,779,218	11.4	1.3	11.7	0.7
11 VRE	32,800	6.1	6.0	-9.7	76,385	2,329	100.0	17.4	1,467,648	50.8	2.9	5.7	5.6
12 BVH	102,000	4.5	7.4	9.2	71,490	701	31.2	24.2	91,706	59.0	4.9	8.4	1.3
13 HPG	33,600	-10.5	-14.9	-20.9	71,363	2,124	55.8	10.0	4,116,157	7.8	1.8	26.7	15.5
14 PLX	61,200	5.9	-13.8	-5.6	70,919	1,159	6.3	9.0	474,703	18.6	3.6	19.5	6.2
15 VJC	130,200	0.8	-13.2	-12.7	70,518	542	53.2	6.3	590,507	13.8	6.7	67.1	19.7
16 NVL	68,000	-3.8	0.4	26.9	61,729	908	30.9	41.9	252,632	28.7	3.6	14.2	3.8
17 VPB	22,400	9.5	-8.6	-31.0	55,031	2,457	74.0	0.0	3,371,868	7.9	1.8	26.9	2.5
18 MBB	22,500	8.2	-1.1	-9.1	48,610	2,160	55.3	0.0	5,784,874	9.5	1.5	17.4	1.6
19 MWG	89,500	8.5	-1.3	-0.6	38,520	430	85.3	0.0	448,427	13.8	4.7	41.2	13.1
20 HDB	30,550	-4.5	-17.7	-25.3	29,970	981	72.6	2.9	1,992,073	15.5	2.1	14.9	1.0
21 FPT	44,450	6.0	3.3	-4.0	27,272	614	81.7	0.0	511,546	8.4	2.3	28.9	11.3
22 STB	12,700	4.1	5.0	-0.8	22,906	1,804	94.0	11.0	4,247,579	17.1	1.0	5.8	0.3
23 ROS	36,850	-0.5	-8.4	-43.1	20,916	568	27.0	46.9	2,240,406	28.5	3.6	13.6	7.3
24 BHN	82,500	-1.2	-1.3	-25.7	19,124	232	0.9	31.4	484	29.7	5.0	17.3	6.7
25 TPB	21,250	6.6	4.3	-3.5	18,127	853	70.7	0.2	537,206	15.9	2.3	15.9	0.8
26 EIB	13,700	2.2	-1.4	-7.4	16,843	1,229	78.4	0.1	1,687,375	12.4	1.1	9.4	0.9
27 PNJ	98,000	3.2	-2.5	-17.4	16,366	167	69.9	0.0	296,414	18.1	4.7	30.0	19.2
28 HNG	16,850	3.1	-0.3	97.3	14,943	887	42.0	56.2	2,588,974	N/A	1.4	-7.3	-2.5
29 SSI	29,650	4.8	-6.5	-11.8	14,800	499	76.7	41.7	1,818,923	10.2	1.6	15.8	7.1
30 KDH	30,700	0.0	-2.5	-0.8	12,711	414	76.0	3.1	151,385	21.9	2.0	10.5	5.8
31 CTD	156,800	6.2	-4.4	0.1	12,261	78	86.9	5.1	78,232	7.8	1.5	21.1	11.6
32 DHG	82,800	-2.2	-10.0	-20.8	10,826	131	22.1	50.9	102,048	20.5	3.7	18.3	14.6
33 GEX	25,450	-1.7	-12.2	-9.9	10,347	407	68.5	36.9	1,073,068	10.1	1.9	22.3	6.9
34 REE	33,000	5.9	-6.5	-1.2	10,232	310	84.4	0.0	273,746	6.5	1.2	19.1	11.0
35 SBT	20,200	-10.4	1.5	33.8	10,007	495	40.5	89.1	2,663,931	23.3	1.7	11.3	4.3
36 VHC	101,500	-2.4	19.6	71.5	9,369	92	37.8	62.7	263,461	7.6	2.5	37.4	22.7
37 DXG	26,000	5.5	-7.1	-21.1	9,095	350	69.5	0.8	1,538,704	8.5	2.0	25.9	9.0
38 GMD	28,900	2.7	7.0	5.9	8,581	297	60.8	0.0	1,101,981	4.6	1.5	30.8	18.1
39 YEG	270,000	-10.0	23.3	N/A	8,446	31	93.2	54.8	9,185	109.1	21.1	29.0	11.6
40 DPM	21,000	13.8	20.3	13.8	8,218	391	40.2	27.7	520,631	14.1	1.0	8.1	5.9
41 VCI	49,600	-7.3	-19.3	-25.6	8,085	163	66.1	58.8	93,163	11.6	2.7	30.5	13.9
42 SCS	151,800	2.3	-4.8	N/A	7,588	50	99.1	33.3	7,932	23.3	9.0	40.8	35.2
43 NT2	25,700	0.0	-5.5	-11.7	7,398	288	32.1	27.2	65,897	8.9	2.0	19.8	9.3
44 HCM	56,100	-0.7	-10.0	-17.5	7,268	130	66.7	38.0	137,269	9.2	2.4	27.8	15.1
45 PDR	27,200	2.6	6.3	-13.4	7,246	266	37.8	43.2	1,052,302	14.1	2.3	18.3	5.1
46 TCH	20,100	-1.7	-21.5	-16.8	7,101	353	50.0	44.9	781,709	21.1	1.7	7.8	6.7
47 KBC	14,650	17.7	23.6	18.6	6,882	470	75.4	30.2	2,104,786	13.0	0.8	6.2	3.3
48 LGC	35,300	30.7	22.4	53.5	6,808	193	N/A	4.0	14	41.5	2.6	6.5	1.7
49 VPI	42,450	-1.5	0.2	N/A	6,792	160	100.0	39.3	260,292	9.9	3.7	38.8	13.1
50 NLG	28,400	0.4	-7.5	-8.1	6,791	239	60.6	0.0	329,775	6.8	1.5	22.4	9.6
51 PVD	17,400	6.7	9.4	26.5	6,662	383	49.4	31.7	2,613,860	112.7	0.5	0.6	0.4
52 CII	26,600	5.6	3.5	-6.3	6,509	245	84.8	15.6	673,011	80.1	1.3	1.7	0.4
53 PAN	45,200	0.4	-23.1	-30.5	6,147	136	47.6	53.9	38,897	26.7	1.7	6.4	2.7
54 PPC	18,700	2.7	1.6	8.4	5,995	321	24.7	34.3	223,808	6.1	1.0	17.0	12.3
55 HT1	15,150	15.6	10.2	17.0	5,780	382	20.0	43.5	266,047	9.5	1.2	12.2	5.4
56 DCM	10,350	8.4	-0.5	-6.3	5,479	529	24.4	45.1	507,274	10.4	0.9	8.6	5.1
57 KDC	24,850	-3.1	-19.1	-27.1	5,111	206	36.7	27.4	46,941	N/A	0.8	-1.2	-0.6
58 FRT	75,000	5.0	1.4	-15.7	5,100	68	92.4	0.4	17,774	18.1	6.4	42.9	6.8
59 PME	66,900	-3.0	-4.4	-12.5	5,018	75	99.0	38.0	6,216	15.4	3.1	19.3	16.0
60 HAG	5,190	-5.5	-16.0	16.6	4,813	927	63.8	40.6	2,673,045	N/A	0.4	-2.5	-0.7

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vnWebsite: <http://vndirect.com.vn>